TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2023/DS-ST
Ngày: 27-3-2023
V/v tranh chấp "Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tưởng Công Sơn
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Lê Thị Kim Hạnh
Ông Nguyễn Văn Soan
- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thu Hoài – Thư ký Tòa án nhân dân quận G.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân quận Gò Vấp *tham gia phiên tòa:* Bà Lê Duy Bảo Chinh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 389/2022/DSST ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc : " Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2023/QĐXX- DS ngày 10 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2023/ QĐST- DS ngày 06 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S.
Trụ sở chính: Số X Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường K, Quận L, Thành phố H.
Đại diện theo pháp luật của Ngân hàng thương mại cổ phần S:
Bà Nguyễn Đức Thạnh D, sinh năm 1973- Chức vụ : Tổng Giám đốc
Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần S: Công ty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng thương mại cổ phần S
Đại diện theo pháp luật công ty : Ông Trần Văn Ng- Tổng Giám đốc
Đại diện ủy quyền : Ông Trần Đức T, sinh năm 1984
Địa chỉ : Số Q Nam Kỳ Khởi nghĩa, phường V, Quận L, Thành phố H (Có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn : Bà Nguyễn Thị Ngọc Tr, sinh năm 1979
Nơi đăng ký thường trú : Số k Ngư Ông, khu phố x, phường L, Thành phố P, tỉnh B.
Địa chỉ tạm trú : Số y Lê Quang Định, phường H, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 9 năm 2022; bản tự khai ngày 06/03/2023 và trong quá trình xét xử đại diện nguyên đơn Ông Trần Đức T trình bày:

Ngày 01/3/2012, Bà Nguyễn Thị Ngọc Tr (gọt tắt là bị đơn) có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần S (gọi tắt là Nguyên đơn, Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà Tr , Ngân hàng đã đồng ý cấp 02 thẻ tín dụng là thẻ Visa Credit Classic 472074-7522, lãi suất 2,15%/ tháng, lãi quá hạn là 3,225%/ tháng và thẻ FamilyLocal Credit 970403-0155, lãi suất 2,5%/ tháng, lãi quá hạn là 3,75%/ tháng với hạn mức tín dụng sử dụng chung là 10.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, Bà Nguyễn Thị Ngọc Tr đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 12.290.000 đồng (gồm thẻ 472074-7522 là 500.000 đồng, thẻ 970403-0155 là 11.790.000 đồng).

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay Bà Nguyễn Thị Ngọc Tr đã thanh toán cho ngân hàng số tiền là 27.501.000 đồng. Trong đó thẻ Credit Classic là 472074-7522 là 1.500.000 đồng, thẻ Family Local Credit 970403-0155 là 26.001.000 đồng. Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà Tr vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà Tr vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà Tr cụ thể thẻ Credit Classic là 472074-7522 ngày 11/9/2017, thẻ FamilyLocal Credit 970403-0155 ngày 23/8/2017 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng). Tính đến ngày 22/7/2022 bà Tr còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 9.437.921 đồng. Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/ Buộc Bà Nguyễn Thị Ngọc Tr phải trả ngay cho Ngân hàng S tổng số tiền tạm tính đến ngày 22/7/2022 là 9.437.921 đồng (*Chín triệu, bốn trăm ba mươi bảy nghìn, chín trăm hai mươi mốt đồng*), trong đó: Dư nợ gốc là 2.593.437 đồng và lãi quá hạn : 6.844.484đồng;

2/ Bà Nguyễn Thị Ngọc Tr có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 23/7/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Ngày 23/11/2022, đại diện theo ủy quyền có bản tự khai yêu cầu :

Buộc Bà Nguyễn Thị Ngọc Tr phải trả ngay cho Ngân hàng S tổng số tiền tạm tính đến ngày 23/11/2022 là 9.768.629 đồng (*Chín triệu, bảy trăm sáu mươi tám nghìn, sáu trăm hai mươi chín đồng*), trong đó: Dư nợ gốc là 2.593.437 đồng và lãi quá hạn : 7.115.192 đồng;

2/ Bà Nguyễn Thị Ngọc Tr có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 24/11/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Tính đến ngày 27/3/2023, đại diện theo ủy quyền có bản tự khai yêu cầu :

Buộc Bà Nguyễn Thị Ngọc Tr phải trả ngay cho Ngân hàng S tổng số tiền tạm tính đến ngày 27/3/2023 là 10.221.849 đồng (*Mười triệu, hai trăm hai mươi*

mốt nghìn, tám trăm bốn mươi chín đồng), trong đó: Dư nợ gốc là 2.593.437 đồng và lãi quá hạn : 7.628.412 đồng;

2/ Bà Nguyễn Thị Ngọc Tr có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 28/3/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ và triệu tập Bà Nguyễn Thị Ngọc Tr đến Tòa án để lấy lời khai nhưng bà Tr không đến. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú của Bà Nguyễn Thị Ngọc Tr tại địa chỉ : Số y Lê Quang Định, phường H, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, được biết: "Công dân Nguyễn Thị Ngọc Tr, sinh năm 1979, không có đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, thực tế cư trú tại : Số y Lê Quang Định, phường H, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh . "

-Ngày 18/11/2022, Toà án đã thông báo cho đại diện nguyên đơn về kết quả xác minh theo quyết định cung cấp chứng cứ số 1123/2022/QĐ-CCTLCC ngày 07/11/2022 trả lời xác minh của Công An phường H, quận Gò Vấp và yêu cầu nguyên đơn cung cấp địa chỉ nơi ở mới của bà Tr , tuy nhiên đại diện nguyên đơn cho biết bà Tr ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng có nơi tạm trú là Số y Lê Quang Định, phường H, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh và Ngân hàng cũng đã liên hệ điện thoại và liên hệ nơi bà Tr có hộ khẩu thường trú nhưng không được và đại diện Ngân hàng cho biết bà Tr chuyển đi nơi khác không thông báo cho Ngân hàng vì vậy Ngân hàng yêu cầu tống đạt và niêm yết tại địa chỉ cuối cùng là địa chỉ Số y Lê Quang Định, phường H, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết vụ án.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Tr không đến, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà bà Tr hợp lệ theo quy định pháp luật vì vậy Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo pháp luật quy định.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S do Ông Trần Đức T là đại diện theo ủy quyền có đơn xin vắng mặt xét xử tuy nhiên ông vẫn giữ yêu cầu :

1/Buộc Bà Nguyễn Thị Ngọc Tr phải trả ngay cho Ngân hàng S tổng số tiền tạm tính đến ngày 27/3/2023 là 10.221.849 đồng (*Mười triệu, hai trăm hai mươi mốt nghìn, tám trăm bốn mươi chín đồng*), trong đó: nợ gốc là 2.593.437 đồng và lãi quá hạn : 7.628.412 đồng;

2/ Bà Nguyễn Thị Ngọc Tr có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 28/3/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Tr là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

-Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng Thẩm phán đã thực hiện đúng và đầy đủ nội dung quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa nhưng người tham gia

tố tụng, đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải. Thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng .

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử : Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc Bà Nguyễn Thị Ngọc Tr phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm tính đến ngày 27/3/2023 là 10.221.849 đồng (*Mười triệu, hai trăm hai mươi mốt nghìn, tám trăm bốn mươi chín đồng*), trong đó: nợ gốc là 2.593.437 đồng và lãi quá hạn : 7.628.412 đồng;

Bà Nguyễn Thị Ngọc Tr có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 28/3/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Đương sự phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết :

1.1 *Việc xác định nơi cư trú cuối cùng của bị đơn :*

Nguyên đơn khởi kiện Bà Nguyễn Thị Ngọc Tr tại nơi tạm trú của Bà Nguyễn Thị Ngọc Tr tại địa chỉ : Số y Lê Quang Định, phường H, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Qua xác minh của Công an phường H, quận Gò Vấp được biết: "Công dân Nguyễn Thị Ngọc Tr, sinh năm 1979, không có đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, thực tế cư trú tại : Số y Lê Quang Định, phường H, quận Gò Vấp."

-Ngày 18/11/2022, Toà án đã thông báo cho đại diện nguyên đơn về kết quả xác minh theo quyết định cung cấp chứng cứ số 1123/2022/QĐ-CCTLCC ngày 07/11/2022 trả lời xác minh của Công An phường H, quận Gò Vấp và yêu cầu nguyên đơn cung cấp địa chỉ nơi ở mới của bà Tr , tuy nhiên đại diện nguyên đơn cho biết bà Tr ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng có nơi tạm trú là Số y Lê Quang Định, phường H, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh và Ngân hàng cũng đã liên hệ điện thoại và liên hệ nơi bà Tr có hộ khẩu thường trú nhưng không được và đại diện Ngân hàng cho biết bà Tr chuyển đi nơi khác không thông báo cho Ngân hàng vì vậy Ngân hàng yêu cầu tống đạt và niêm yết tại địa chỉ cuối cùng là địa chỉ Số y Lê Quang Định, phường H, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết vụ án. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Toà án nhân dân Tối Cao hướng dẫn việc trả đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án. Nguyên đơn khởi kiện đúng địa chỉ bà Tr tạm trú và việc bà Tr chuyển đi nơi khác không báo cho Ngân hàng được coi là cố tình dấu địa chỉ do đó Hội đồng xét xử xác định nơi cư trú cuối cùng của bà Tr là địa chỉ Số y Lê Quang Định, phường H, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh và việc Toà án nhân dân quận G không chuyển vụ án về nơi Toà án bị đơn

có hộ khẩu thường trú mà Toà án nhân dân quận Gò Vấp vẫn tiến hành giải quyết vụ án là đúng trình tự theo quy định của pháp luật .

1.2 *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*

Nguyên đơn Ngân hàng hàng thương mại cổ phần S khởi kiện bị đơn Bà Nguyễn Thị Ngọc Tr về yêu cầu trả số tiền nợ phát sinh từ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 01/3/2012 được ký kết giữa hai bên. Bị đơn Bà Nguyễn Thị Ngọc Tr có nơi cư trú cuối cùng tại địa chỉ số y Lê Quang Định, phường H, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh , đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

-1.3 *Về thủ tục tố tụng* :

Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin vắng mặt tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn Bà Nguyễn Thị Ngọc Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Tr theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. *Về nội dung tranh chấp*:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- *Về nợ gốc*:

Căn cứ vào hợp đồng ký ngày 01/3/2012 đã ký giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S với Bà Nguyễn Thị Ngọc Tr sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng). Căn cứ thu nhập của bà Tr , Ngân hàng đã đồng ý cấp 02 thẻ tín dụng là thẻ Visa Credit Classic 472074-7522, lãi suất 2,15%/ tháng, lãi quá hạn là 3,225%/ tháng và thẻ FamilyLocal Credit 970403-0155, lãi suất 2,5%/ tháng, lãi quá hạn là 3,75%/ tháng với hạn mức tín dụng sử dụng chung là 10.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, Hội đồng xét xử xét thấy việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là có thật. Nội dung các bên thỏa thuận xuất phát từ sự tự nguyện không trái với các quy định của pháp luật, phù hợp với quy định tại Điều 317 và Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 01/3/2012 đã ký giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S với Bà Nguyễn Thị Ngọc Tr; bản tự khai ngày 06/3/2022 và ngày 27/3/2023 của đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng; Bản sao kê ngày 23/11/2022 và ngày 27/3/2023 và Ngân hàng đã đồng ý cấp 02 thẻ tín dụng cho bà Tr với hạn mức 10.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ, bà Tr đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 12.290.000 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 27.501.000 đồng còn lại nợ gốc tạm tính đến ngày 27/3/2023 là 2.593.437 đồng. Tuy nhiên qua nhiều lần nhắc nhở bà Tr vẫn không thanh toán thêm cho Ngân hàng bất kỳ khoản tiền nào. Theo quy định tại khoản 2 điều 95 Luật tổ chức tín dụng quy định: " Trong trường

hợp khách hàng không trả nợ đến hạn thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ theo hợp đồng tín dụng" và tại Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015 về nghĩa vụ trả tiền và khoản 1 Điều 466 Luật dân sự năm 2015 quy định " Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn". Bà Tr đã vi phạm nghĩa vụ về thời gian thanh toán nợ gốc theo như hợp đồng đã ký kết. Vì vậy yêu cầu của Ngân hàng buộc bà Tr phải trả số tiền nợ gốc là 2.593.437 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

-*Về nợ lãi:*

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010 và được sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định "… Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật".

Căn cứ tại Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 hướng dẫn Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

Căn cứ vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 01/3/2012 và Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần S đã được ký giữa Ngân hàng và bà Tr ;

Căn cứ vào bảng sao kê ngày 23/11/2022 và bảng sao kê ngày 27/3/2023 Hội đồng xét xử nhận thấy việc thỏa thuận lãi suất giữa các bên là phù hợp với quy định của pháp luật. Theo đó bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi tạm tính đến ngày 15/4/2021 là 45.423.570 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận và Bà Nguyễn Thị Ngọc Tr phải tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 16/4/2021 trên số nợ gốc cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng

Căn cứ vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 01/3/2012; Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của Ngân hàng thương mại cổ phần S và các văn bản khác Bà Nguyễn Thị Ngọc Tr đã ký với Ngân hàng thương mại cổ phần S về việc sử dụng thẻ tín dụng, Ngân hàng thương mại cổ phần S đã cấp cho bà Tr số tiền trong thẻ tín dụng Visa Credit Classic 472074-2181 với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng, lãi suất là 2,15%/ tháng ; lãi suất quá hạn 3,225%/ tháng và FamilyLocal Credit 970403-0155, lãi suất 2,5%/ tháng, lãi quá hạn là 3,75%/ tháng với hạn mức tín dụng sử dụng chung là 10.000.000 đồng.

Căn cứ tại Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về lãi suất quy định về quyền và nghĩa vụ của bên vay và bên cho vay thì nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi theo hợp đồng sử dụng thẻ Visa Credit Classic với mức lãi suất trong hạn là 2.15%/ tháng và lãi suất quá hạn được tính 3,225%/tháng và đối với thẻ FamilyLocal Credit 970403-0155, lãi suất 2,5%/ tháng, lãi quá hạn là 3,75%/ tháng là phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010. Tính đến ngày 27/03/2023 bà Tr còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần S tổng số tiền lãi quá hạn là 7.628.412 đồng do đó Hội đồng xét xử nhận thấy giữa bà Tr và Ngân hàng đã tự nguyện thỏa thuận về lãi suất với hình thức vay tín chấp phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010. Căn cứ Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015

thìbà Tr đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S do đó Hội đồng xét xử buộc bà Tr phải trả tổng số tiền lãi quá hạn là 7.628.412 đồng, tạm tính đến ngày 27/03/2023.

Như vậy, Hội đồng xét xử buộc Bà Nguyễn Thị Ngọc Tr phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tổng số tiền lãi và gốc là 10.221.849(*Mười triệu hai trăm hai mươi mốt ngàn tám trăm bốn mươi chín đồng*) tạm tính đến ngày 27/3/2023, trong đó: Nợ gốc: 2.593.437 đồng và lãi quá hạn: 7.628.412 đồng

Bà Tr tiếp tục thanh toán tiền lãi từ ngày 28/03/2023 cho đến khi bà Tr hoàn tất nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần S theo thỏa thuận trong hợp đồng gồm : (Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần S) cho đến khi bà Tr trả dứt nợ

Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ nộp án phí và Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 300.000(Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm nộp án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0011832 ngày 24/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận G.

Bị đơn phải chịu án phí tương đương với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận là 10.221.849 đồng. Do đó bà Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 511.092 (*Năm trăm mươi một ngàn không trăm chín mươi hai đồng*) .

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 220; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273, Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010;

- Căn cứ Điều 280; Điều 317; Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 và sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

-Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Toà án nhân dân Tối Cao hướng dẫn việc trả đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án;

- Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Bà Nguyễn Thị Ngọc Tr có trách nhiệm phải trả ngay cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 10.221.849(*Mười triệu hai trăm hai mươi mốt ngàn tám trăm bốn mươi chín đồng*) tạm tính đến ngày 27/3/2023; trong đó: Nợ gốc: 2.593.437 đồng và lãi quá hạn: 7.628.412 đồng

Bà Nguyễn Thị Ngọc Tr còn phải chịu thêm tiền lãi phát sinh trên tổng số nợ gốc kể từ ngày 28/3/2023 cho đến khi thanh toán xong theo như lãi suất hợp đồng được ký ngày 01/3/2012 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S với Bà Nguyễn Thị Ngọc Tr sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng).

Việc giao nhận tiền được thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 511.092 (*Năm trăm mươi một ngàn không trăm chín mươi hai đồng*).

Hoàn lại số tiền tạm nộp án phí cho Ngân hàng thương mại cổ phần S là 300.000(Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm nộp án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0011832 ngày 24/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

3.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận :
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THA quận Gò Vấp;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và dóng dấu)